TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH HÀ** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2021/HNGĐ-ST Ngày: 22-6-2021 V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Danh Trịnh

2. Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà*:** Bà Tiêu Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2021/TLST-HNGĐ ngày 15/4/2021 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/6/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ Q, sinh năm 1989

ĐKHKTT: Thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Q1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

3. Người làm chứng:

- Bà Lê Thị L, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường A, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương.

- Bà Đinh Thị H, sinh năm 1963

- Ông Bùi Như T1, sinh năm 1954.

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

(Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, người làm chứng đều vắng mặt và có ý kiến đề nghị xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn trình bày: Chị và anh Bùi Văn Q1 kết hôn ngày 26/4/2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống, anh Q1 mải chơi, không quan tâm tới gia đình, một mình chị phải lo toan toàn bộ kinh tế gia đình. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh Q1 vẫn không thay đổi. Vì vậy, đầu năm 2016 chị đã bỏ về nhà đẻ ở để anh Q1 tự suy nghĩ lại và sửa đổi tính nết. Sau đó anh Q1 có đến và xin lỗi chị, hứa sẽ thay đổi nên chị đã cho anh Q1 một cơ hội về đoàn tụ gia đình. Nhưng sau khi trở lại chung sống cùng anh Q1, anh Q1 không thay đổi cách sống mà vẫn chứng nào tật ấy. Do đó tháng 3/2021 chị đã bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Q1 nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Q1 để chị sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Bùi Thị Bích N, sinh ngày 30/8/2009 và Bùi Văn T, sinh ngày 18/1/2015. Hiện 02 con đang ở cùng với chị tại nhà ông bà ngoại. Khi ly hôn chị xin nuôi cả 02 con chung và tự nguyện không yêu cầu anh Q1 cấp dưỡng nuôi con. Nếu phải lựa chọn nuôi một trong hai con thì chị xin nuôi con N, còn con T giao cho anh Q1 nuôi, không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện chị làm công nhân, thu nhập trung bình 7.800.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn trình bày việc đăng ký kết hôn như chị Q đã khai. Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và làm kinh tế, dẫn đến xảy ra xô xát nên chị Q đã 02 lần bỏ về nhà đẻ ở, trong đó lần thứ hai chị Q bỏ về nhà đẻ ở từ ngày 01/3/2021 đến nay. Anh đã đến tìm và thuyết phục chị Q nhưng chị Q nhất định không chịu về đoàn tụ gia đình. Anh không đồng ý ly hôn vì không muốn con cái phải khổ. Nếu chị Q cứ kiên Q1 xin ly hôn thì anh cũng nhất trí vì anh chỉ có thể giữ người ở chứ không giữ được người đi.

Về con chung: Vợ chồng anh có 02 con chung, tên tuổi như chị Q trình bày. Hiện nay 02 con chung đều đang ở với chị Q. Nếu ly hôn, anh xin nuôi cả 02 con chung vì anh không thể bỏ được con. Cấp dưỡng cho con bao nhiêu là tùy tâm chị Q. Nếu chỉ được quyền lựa chọn nuôi 01 con, anh xin nuôi con T, còn con N để chị Q nuôi dưỡng, vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai. Hiện anh làm thợ sơn, thu nhập trung bình từ 7.000.000đ-8.000.000đ/tháng.

* Lời khai của cháu Bùi Thị Bích N có nguyện vọng xin ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn nhau.

* Tài liệu xác minh tại chính quyền địa phương thể hiện: Vợ chồng anh Q1 chị Q trong quá trình chung sống có nảy sinh mâu thuẫn, nên vợ chồng đã

sống ly thân mỗi người một nơi. Chị Q, anh Q1 đều đủ điều kiện nuôi con.

* Lời khai của bà Đinh Thị H (mẹ đẻ anh Q1), bà Lê Thị L (mẹ đẻ chị Q), ông Bùi Văn T1 (ông họ anh Q1) thể hiện: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh Q1, chị Q đã nảy sinh mâu thuẫn, và chị Q đã tự ý bỏ về nhà đẻ 02 lần. Gia đình, họ hàng đã nhiều lần khuyên giải nhưng tình trạng vợ chồng vẫn không được cải thiện. Hiện nay vợ chồng sống ly thân mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế. Ngoài ra, bà H còn trình bày: Nếu Tòa án giao con cho anh Q1 nuôi, bà sẽ hỗ trợ anh Q1 chăm sóc, nuôi dạy con; bà L còn trình bày nếu Tòa án giao con cho chị Q nuôi, bà sẽ hỗ trợ chị Q chăm sóc nuôi dạy con.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà phát biểu ý kiến: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX), nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị Q1 số 326/QH 14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân, xử chị Q ly hôn với anh Q1. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Bích N, sinh ngày 30/8/2009 cho chị Q nuôi dưỡng; giao con Bùi Văn T, sinh ngày 18/1/2015 cho anh Q1 nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh Q1, chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn, những người làm chứng đều vắng mặt và trước đó họ đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và những người làm chứng theo quy định tại Điều 227, 228, Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Q, anh Q1 đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương trên cơ sở tự nguyện nên là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ lời khai của nguyên đơn, bị đơn và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, HĐXX thấy: Trong quá trình chung sống, vợ chồng chị Q, anh Q1 đã nảy sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu xuất phát từ việc vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm sống và làm kinh tế. Thực tế vợ chồng đã sống ly thân

mỗi người một nơi, không ai quan tâm đến ai. Mặc dù anh Q1 muốn đoàn tụ để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái, nhưng chị Q xác định không còn tình cảm gì với anh Q1 và kiên Q1 xin ly hôn anh Q1 làm cho quan hệ hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử chị Q ly hôn với anh Q1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Bùi Thị Bích N, sinh ngày 30/8/2009 và Bùi Văn T, sinh ngày 18/01/2015. Xem xét nguyện vọng xin nuôi con của nguyên đơn, bị đơn, thấy: Theo chính quyền địa phương cung cấp, chị Q, anh Q1 đều đủ điều kiện để nuôi con, không ai bị kết án hay xử phạt về hành vi ngược đãi trẻ em. Ngoài ra, theo Điều 71 của Luật Hôn nhân và gia đình, cha mẹ có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên. Mặt khác, thu nhập của chị Q, anh Q1 không phải ở mức cao để có thể một người nuôi dạy tốt cho cả hai con. Do đó, để đảm bảo điều kiện sống và học tập tốt nhất cho con chung, cũng như đảm bảo quyền, nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dạy con của cha mẹ, cần giao cháu Ngọc cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Tâm cho anh Q1 nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của vợ chồng không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

[4]. Về tài sản, công sức, nợ chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết về quan hệ tài sản trong vụ án này.

[5]. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Q1 ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, Điều 228, Điều 229, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chị Nguyễn Thị Lệ Q ly hôn anh Bùi Văn Q1.

2. Về con chung: Giao con chung là Bùi Thị Bích N, sinh ngày 30/8/2009 cho chị Nguyễn Thị Lệ Q nuôi dưỡng; giao con Bùi Văn T, sinh ngày 18/01/2015 cho anh Bùi Văn Q1 nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên. Anh Q1, chị Q không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau

Anh Q1, chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Lệ Q phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

AA/2018/0003743 ngày 15/4/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương; chị Q đã thi hành xong nghĩa vụ về án phí.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà;
- Các đương sự;
- UBND xã L, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Vũ Thị Nhung